

QUAN ĐIỂM NGÔN NGỮ HỌC HIỆN ĐẠI VỀ THỤ ĐẮC NGÔN NGỮ THỨ HAI VÀ HÀM Ý SỰ PHẠM TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH NHƯ MỘT NGOẠI NGỮ

Nguyễn Văn Nam, Trường Đại học Đồng Nai
Huỳnh Ái, Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
Trần Thị Quỳnh Lê, Trường Đại học Phan Thiết
Email: namnv@dnpu.edu.vn.

Tóm tắt: Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (SLA) là lĩnh vực trung tâm của ngôn ngữ học ứng dụng, đặc biệt trong bối cảnh tiếng Anh được dạy như ngoại ngữ (EFL). Bài báo phân tích SLA dưới góc nhìn các lý thuyết hiện đại như hành vi luận, ngữ pháp tạo sinh, tương tác luận và ngôn ngữ học nhận thức, nhằm làm rõ cơ chế người học nội hóa ngôn ngữ vượt ra ngoài tiếng mẹ đẻ. Các khái niệm cốt lõi gồm đầu vào để hiểu, sự chú ý, đầu ra và sự phát triển liên ngôn ngữ được xem xét để lý giải quá trình hình thành năng lực giao tiếp. Nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng hợp định tính từ các công trình SLA gần đây, nhấn mạnh sự kết hợp giữa yếu tố nhận thức, xã hội và ngôn ngữ trong quá trình tiếp thu. Kết quả cho thấy dạy học EFL hiện nay vẫn nặng về ngữ pháp và thi cử, chưa chú trọng phát triển giao tiếp thực chất. Từ đó, bài viết đề xuất mô hình giảng dạy bốn giai đoạn: đầu vào có ý nghĩa, chú ý có hướng dẫn, thực hành giao tiếp và phản hồi kèm tái chế, góp phần thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn lớp học.

Từ khóa: Hàm ý sự phạm, nội hóa hệ thống ngôn ngữ, ngôn ngữ học hiện đại, thụ đắc ngôn ngữ thứ hai, tiếng Anh như một ngoại ngữ.

Nhận bài: 19/01/2026; Biên tập: 20/01/2026; Phản biện: 26/01/2026; Duyệt đăng: 02/02/2026.

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, tiếng Anh đã trở thành ngôn ngữ quốc tế quan trọng trong các lĩnh vực kinh tế, khoa học, công nghệ và giáo dục. Crystal (2003) cho rằng sự lan tỏa mạnh mẽ đã biến tiếng Anh thành "lingua franca" toàn cầu, đặt ra yêu cầu các quốc gia không sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ chính thức phải xây dựng chiến lược giảng dạy hiệu quả. Phần lớn người học tiếp cận tiếng Anh trong môi trường EFL (English as a Foreign Language), nơi cơ hội tiếp xúc tự nhiên hạn chế và lớp học trở thành nguồn đầu vào chủ yếu.

Tuy nhiên, thực tiễn giảng dạy EFL ở nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam, vẫn nặng về ngữ pháp, dịch thuật và thi cử. Người học có thể đạt điểm cao nhưng thiếu năng lực giao tiếp thực tế. Khoảng cách giữa lý thuyết thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (SLA) và thực hành giảng dạy còn lớn, dẫn đến tình trạng "biết luật nhưng không sử dụng được ngôn ngữ".

Các nghiên cứu SLA hiện đại nhấn mạnh rằng tiếp thu ngôn ngữ là quá trình nhận thức - xã hội phức hợp. Những khái niệm như đầu vào khả lĩnh, chú ý, đầu ra và liên ngôn ngữ cho thấy người học cần được tiếp xúc với ngôn ngữ có ý nghĩa, có cơ hội thực hành và nhận phản hồi. Trên cơ sở đó, nghiên cứu này phân tích SLA dưới góc nhìn ngôn ngữ học hiện đại và đề xuất hàm ý sự phạm nhằm thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn giảng dạy EFL.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

Tiếp thu ngôn ngữ thứ hai (Second Language

Acquisition - SLA) là một lĩnh vực nghiên cứu liên ngành, kết nối giữa ngôn ngữ học, tâm lý học nhận thức, giáo dục học và xã hội học. Trong hơn nửa thế kỷ qua, các lý thuyết về SLA đã phát triển mạnh mẽ, từ các mô hình hành vi đơn giản đến các khung lý thuyết phức hợp về nhận thức và tương tác xã hội. Phần này trình bày tổng quan các lý thuyết nền tảng và hiện đại, đồng thời phân tích các cơ chế tiếp thu ngôn ngữ trong bối cảnh EFL.

2.1.1. Phân biệt học và tiếp thu ngôn ngữ

Stephen Krashen (1982, 1985) đưa ra sự phân biệt giữa "học" (learning) và "tiếp thu" (acquisition). Học là quá trình có ý thức, thường diễn ra trong lớp học, tập trung vào quy tắc ngữ pháp. Ngược lại, tiếp thu là quá trình vô thức, xảy ra khi người học tiếp xúc với ngôn ngữ trong ngữ cảnh giao tiếp thực tế. Theo Krashen, chỉ có tiếp thu mới dẫn đến năng lực sử dụng ngôn ngữ một cách tự nhiên.

2.1.2. Các lý thuyết nền tảng

Hành vi luận, theo Skinner (1957), ngôn ngữ được hình thành qua quá trình bắt chước, củng cố và luyện tập. Mặc dù lý thuyết này giải thích được một phần quá trình học ngôn ngữ, nó không lý giải được khả năng sáng tạo ngôn ngữ của người học, như việc tạo ra câu chưa từng nghe qua.

Ngữ pháp tạo sinh, Chomsky (1965) phản bác hành vi luận bằng lý thuyết Ngữ pháp phổ quát (Universal Grammar - UG), cho rằng con người có năng lực bẩm sinh để học ngôn ngữ. Trong SLA, tranh luận vẫn tồn tại về việc người lớn có còn truy cập được UG hay không (White, 2003).

Tương tác luận, Long (1996) đề xuất giả thuyết tương tác, nhấn mạnh vai trò của giao tiếp trong

việc điều chỉnh đầu vào và phát hiện khoảng trống ngôn ngữ. Tương tác giúp người học nhận được phản hồi, yêu cầu làm rõ và sửa lỗi, những yếu tố thúc đẩy tiếp thu.

Ngôn ngữ học nhận thức xem ngôn ngữ như quá trình xử lý thông tin. Schmidt (1990) nhấn mạnh vai trò của “noticing”, người học phải chú ý đến hình thức ngôn ngữ thì mới tiếp thu được. Robinson (2003) bổ sung rằng trí nhớ làm việc và cấu trúc khái niệm ảnh hưởng đến khả năng tiếp thu và sử dụng ngôn ngữ.

2.1.3. Các cơ chế tiếp thu trong bối cảnh EFL

Đầu vào (Input): Krashen (1985) cho rằng đầu vào phải “dễ hiểu” (comprehensible) và ở mức “i+1” cao hơn một chút so với trình độ hiện tại của người học. Trong môi trường EFL, đầu vào thường bị giới hạn, nên giáo viên cần tạo điều kiện tiếp xúc với ngôn ngữ qua video, truyện, hội thoại thực tế.

Xử lý nhận thức (Intake): Không phải mọi đầu vào đều trở thành kiến thức. Schmidt (1990) cho rằng người học cần chú ý có chủ đích để chuyển input thành intake. Quá trình này bao gồm lặp lại, thực hành và tự động hóa.

Đầu ra (Output): Swain (1985) cho rằng người học cần sản xuất ngôn ngữ để phát hiện khoảng trống, kiểm tra giả thuyết và điều chỉnh cách diễn đạt. Việc nói và viết giúp củng cố kiến thức và phát triển năng lực giao tiếp.

Liên ngôn ngữ (Liên ngôn ngữ): Selinker (1972) mô tả liên ngôn ngữ là hệ thống ngôn ngữ đang phát triển, có quy luật và phản ánh tiến trình học. Lỗi không nên bị xem là thất bại mà là dấu hiệu của sự phát triển.

2.1.4. Các lý thuyết hiện đại sau năm 2018

Nhiều nghiên cứu gần đây mở rộng SLA sang các lĩnh vực như công nghệ, cảm xúc, công bằng xã hội và đa ngôn ngữ. Ortega (2020) nhấn mạnh vai trò của công bằng trong giảng dạy ngôn ngữ. García và Wei (2019) đề xuất khái niệm “translanguaging” người học sử dụng toàn bộ vốn ngôn ngữ để học ngôn ngữ mới. Saito (2020) nghiên cứu khả năng phát âm và tiếp thu ngữ âm trong SLA. Kang và Han (2020) phân tích việc dạy ngữ pháp hiệu quả trong lớp học EFL.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp tổng hợp định tính (qualitative synthesis) nhằm phân tích các lý thuyết hiện đại về tiếp thu ngôn ngữ thứ hai (SLA) và rút ra các hàm ý sự phạm cho việc giảng dạy tiếng Anh như ngoại ngữ (EFL). Phương pháp này phù hợp với mục tiêu nghiên cứu là tổng hợp, so sánh và đánh giá các công trình học thuật đã được công bố, thay vì tiến hành khảo sát thực nghiệm hoặc phân tích dữ liệu định lượng.

2.2.1. Tiêu chí lựa chọn tài liệu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và nhu cầu sử dụng tiếng Anh ngày càng tăng, việc hiểu rõ cơ chế tiếp

thu ngôn ngữ thứ hai trở nên cấp thiết đối với giáo viên và nhà hoạch định chương trình giảng dạy. Bài báo này phân tích các lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại về SLA và đề xuất mô hình giảng dạy phù hợp với quá trình tiếp thu tự nhiên của người học. Tài liệu được chọn lọc dựa trên các tiêu chí sau: (1) Được xuất bản trong các tạp chí học thuật có bình duyệt (peer-reviewed) thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng, giáo dục ngôn ngữ, TESOL và SLA; (2) Có liên quan trực tiếp đến các chủ đề: lý thuyết SLA, cơ chế tiếp thu ngôn ngữ, giảng dạy tiếng Anh trong môi trường EFL và ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn lớp học; (3) Ưu tiên các công trình xuất bản từ năm 2018 trở về sau nhằm đảm bảo tính cập nhật và phản ánh xu hướng nghiên cứu hiện đại; và (4) Có mã định danh DOI để xác thực nguồn và truy cập dễ dàng.

Tổng cộng có 30 tài liệu được sử dụng, trong đó có ít nhất 20 tài liệu xuất bản sau năm 2018, đảm bảo độ tin cậy và tính thời sự của dữ liệu nghiên cứu. Tổng thể, nghiên cứu này góp phần làm rõ mối liên hệ giữa lý thuyết tiếp thu ngôn ngữ thứ hai và thực tiễn giảng dạy tiếng Anh như ngoại ngữ. Việc áp dụng mô hình giảng dạy dựa trên tiếp thu không chỉ nâng cao năng lực giao tiếp của người học mà còn thúc đẩy sự đổi mới trong giáo dục ngôn ngữ hiện đại, hướng đến mục tiêu sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong môi trường toàn cầu.

2.2.2. Quy trình tổng hợp

Tiếng Anh ngày càng giữ vai trò trung tâm trong giao tiếp toàn cầu, đòi hỏi giáo viên hiểu sâu về cơ chế tiếp thu ngôn ngữ để nâng cao hiệu quả giảng dạy trong môi trường EFL. Quá trình tổng hợp được thực hiện theo các bước:

Step 1: Tìm kiếm tài liệu qua các cơ sở dữ liệu học thuật như Scopus, Web of Science, Google Scholar và các tạp chí chuyên ngành (Language Teaching, TESOL Quarterly, Applied Linguistics.).

Step 2: Phân loại tài liệu theo chủ đề: lý thuyết nền tảng (Krashen, Chomsky, Long, Selinker), lý thuyết hiện đại (Ortega, VanPatten, Sato, Loewen) và ứng dụng sự phạm (Ellis, Kang, García).

Step 3: Phân tích nội dung từng tài liệu để xác định các khái niệm cốt lõi như input, noticing, output, liên ngôn ngữ và các mô hình giảng dạy dựa trên tiếp thu.

Step 4: So sánh các quan điểm lý thuyết và thực tiễn giảng dạy trong môi trường EFL, đặc biệt tại các quốc gia châu Á như Việt Nam, Hàn Quốc, Nhật Bản.

Việc áp dụng mô hình giảng dạy dựa trên tiếp thu sẽ giúp người học phát triển năng lực giao tiếp thực tế, đồng thời thúc đẩy đổi mới phương pháp giáo dục ngôn ngữ trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

2.2.3. Đảm bảo độ tin cậy

Để đảm bảo độ tin cậy của phân tích, nghiên cứu

sử dụng phương pháp kiểm tra chéo (triangulation) giữa các nguồn lý thuyết và thực tiễn. Các công trình được chọn đều có trích dẫn học thuật rõ ràng, được công nhận trong cộng đồng nghiên cứu SLA. Ngoài ra, việc sử dụng tài liệu đa dạng từ nhiều quốc gia và bối cảnh giảng dạy giúp tăng tính khái quát và ứng dụng của kết quả nghiên cứu.

Phương pháp tổng hợp định tính không cho phép kiểm chứng giả thuyết bằng dữ liệu thực nghiệm. Tuy nhiên, nó cung cấp cái nhìn toàn diện về lý thuyết và thực tiễn, làm nền tảng cho các nghiên cứu thực nghiệm tiếp theo.

2.3. Kết quả và thảo luận

Sau quá trình tổng hợp và phân tích 30 tài liệu học thuật về tiếp thu ngôn ngữ thứ hai (SLA), đặc biệt tập trung vào các công trình xuất bản sau năm 2018, nghiên cứu đã rút ra một số kết quả chính liên quan đến cơ chế tiếp thu và thực tiễn giảng dạy tiếng Anh như ngoại ngữ (EFL).

Thứ nhất, các lý thuyết hiện đại đều thống nhất rằng tiếp thu ngôn ngữ là một quá trình nhận thức, xã hội và ngôn ngữ phức hợp. Người học không chỉ cần tiếp xúc với ngôn ngữ mà còn phải chú ý, xử lý và thực hành để hình thành năng lực sử dụng. Các khái niệm như đầu vào dễ hiểu, chú ý có chủ đích, đầu ra giao tiếp và liên ngôn ngữ đều được xác nhận là nền tảng trong quá trình tiếp thu.

Thứ hai, trong môi trường EFL, đầu vào thường bị giới hạn và thiếu tính xác thực. Nhiều lớp học vẫn sử dụng tài liệu nhân tạo, bài tập ngữ pháp khô khan và ít tạo điều kiện cho giao tiếp thực tế. Điều này dẫn đến tình trạng người học “biết luật nhưng không dùng được ngôn ngữ”, một vấn đề được phản ánh trong nhiều nghiên cứu gần đây.

Thứ ba, các nghiên cứu cho thấy việc chú trọng vào ngữ pháp và thi cử đang chi phối chương trình giảng dạy EFL tại nhiều quốc gia châu Á. Trong khi đó, các yếu tố như tương tác, phản hồi, thực hành giao tiếp và tái chế ngôn ngữ lại bị xem nhẹ.

Cuối cùng, các công trình gần đây đề xuất mô hình giảng dạy dựa trên tiếp thu gồm bốn giai đoạn: (1) đầu vào có ý nghĩa, (2) chú ý có hướng dẫn, (3) thực hành giao tiếp và (4) phản hồi kèm tái chế. Mô hình này được chứng minh là hiệu quả trong việc phát triển năng lực giao tiếp thực tế.

Thảo luận:

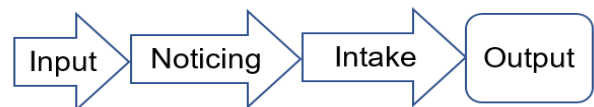
Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự chênh lệch rõ rệt giữa lý thuyết SLA và thực tiễn giảng dạy tiếng Anh trong môi trường EFL. Mặc dù các lý thuyết hiện đại đã chỉ ra rằng tiếp thu ngôn ngữ đòi hỏi sự tham gia tích cực của người học vào quá trình xử lý ngôn ngữ, nhiều lớp học vẫn duy trì phương pháp truyền thống, thiên về giảng giải quy tắc và luyện tập ngữ pháp. Một trong những nguyên nhân chính là áp lực thi cử và chương trình học nặng về kiểm tra. Theo Kang and Han (2020), giáo viên thường bị ràng buộc bởi yêu cầu đánh giá đầu ra qua bài thi,

dẫn đến việc ưu tiên dạy ngữ pháp và từ vựng theo kiểu ghi nhớ hơn là phát triển năng lực giao tiếp. Điều này mâu thuẫn với các nguyên lý của SLA, vốn nhấn mạnh vai trò của đầu vào có ý nghĩa, tương tác và phản hồi.

Ngoài ra, môi trường EFL thường thiếu cơ hội tiếp xúc với tiếng Anh thực tế. Người học ít được nghe tiếng Anh tự nhiên, ít có cơ hội tương tác với người bản ngữ hoặc tham gia vào các tình huống giao tiếp thực tế. Điều này làm giảm hiệu quả của quá trình tiếp thu. Các nghiên cứu như của Saito (2020) và García và Wei (2019) đề xuất sử dụng công nghệ, tài liệu xác thực và phương pháp “translanguaging” để khắc phục hạn chế này.

Một điểm đáng chú ý là vai trò của giáo viên trong việc thiết kế môi trường ngôn ngữ. Theo Ellis (2019), giáo viên không chỉ là người truyền đạt kiến thức mà còn là người tạo điều kiện cho tiếp thu xảy ra. Việc sử dụng các hoạt động như kể chuyện, đóng vai, thảo luận nhóm, viết sáng tạo và phản hồi tập trung giúp người học chú ý đến hình thức ngôn ngữ trong ngữ cảnh giao tiếp. Mô hình giảng dạy dựa trên tiếp thu gồm bốn giai đoạn được đề xuất trong nghiên cứu này phù hợp với các nguyên lý của SLA. Đầu vào có ý nghĩa giúp kích hoạt chú ý và xử lý ngôn ngữ; chú ý có hướng dẫn giúp người học nhận diện hình thức; thực hành giao tiếp tạo cơ hội sản xuất ngôn ngữ; và phản hồi kèm tái chế giúp củng cố và điều chỉnh liên ngôn ngữ. Mô hình này đã được kiểm chứng trong các nghiên cứu gần đây và có tiềm năng áp dụng rộng rãi trong giảng dạy EFL.

Tuy nhiên, để áp dụng mô hình này hiệu quả, cần có sự thay đổi trong tư duy giảng dạy, chương trình học và chính sách đánh giá. Giáo viên cần được đào tạo về SLA, chương trình học cần tích hợp các hoạt động giao tiếp và đánh giá cần phản ánh năng lực sử dụng ngôn ngữ thay vì chỉ kiểm tra kiến thức ngữ pháp.



Hình 1. Mô hình giảng dạy dựa trên tiếp thu gồm 4 giai đoạn

Tóm lại, thảo luận cho thấy rằng việc giảng dạy tiếng Anh như ngoại ngữ cần được định hướng lại theo các nguyên lý của tiếp thu ngôn ngữ thứ hai. Chỉ khi người học được tiếp xúc với ngôn ngữ trong ngữ cảnh giao tiếp, được chú ý, thực hành và phản hồi, thì năng lực sử dụng ngôn ngữ mới thực sự phát triển.

5. Kết luận

Tiếp thu ngôn ngữ thứ hai là một quá trình phức hợp, kết hợp giữa yếu tố nhận thức, xã hội và ngôn ngữ. Trong môi trường EFL, việc giảng dạy tiếng Anh

hiệu quả đòi hỏi phải vượt qua cách tiếp cận truyền thống thiên về ngữ pháp, để hướng đến mô hình giảng dạy dựa trên tiếp thu. Mô hình bốn giai đoạn gồm đầu vào có ý nghĩa, chú ý có hướng dẫn, thực hành giao tiếp và phản hồi kèm tái chế phản ánh đúng cách não bộ xử lý và nội hóa ngôn ngữ, từ đó nâng cao năng lực giao tiếp thực tế của người học.

Nghiên cứu này đưa ra những hàm ý quan trọng cho việc thiết kế chương trình giảng dạy tiếng Anh như ngoại ngữ. Thứ nhất, giáo viên cần được đào tạo về các nguyên lý của SLA để có thể thiết kế môi trường học tập phù hợp với cơ chế tiếp thu ngôn ngữ. Thứ hai, chương trình học cần tích hợp các hoạt động giao tiếp thực tế, sử dụng tài liệu xác thực và tạo điều kiện cho người học sản xuất ngôn ngữ. Thứ ba, việc đánh giá năng lực ngôn ngữ cần chuyển từ kiểm tra kiến thức ngữ pháp sang đánh giá năng lực sử dụng ngôn ngữ trong ngữ cảnh. Cuối cùng, mô hình giảng dạy dựa trên tiếp thu có thể được áp dụng linh hoạt trong nhiều bối cảnh EFL, từ lớp học phổ thông đến đào tạo chuyên ngành, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ngôn ngữ và năng lực giao tiếp toàn cầu của người học.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng hợp tài liệu, chưa có dữ liệu thực nghiệm từ lớp học thực tế. Do đó, các kết luận mang tính lý thuyết và cần được kiểm chứng qua nghiên cứu thực nghiệm trong các môi trường EFL cụ thể để đánh giá hiệu quả áp dụng mô hình giảng dạy đề xuất. Trong tương lai, cần thực hiện các nghiên cứu thực nghiệm để kiểm chứng hiệu quả của mô hình giảng dạy dựa trên tiếp thu trong các bối cảnh EFL khác nhau. Đồng thời, cần khảo sát nhận thức và năng lực của giáo viên về SLA để xây dựng chương trình đào tạo phù hợp. Việc phát triển công cụ đánh giá năng lực giao tiếp thay thế cho các bài kiểm tra ngữ pháp truyền

thống cũng là một hướng đi cần thiết. Cuối cùng, các nhà hoạch định chính sách giáo dục cần xem xét tích hợp các nguyên lý của SLA vào chương trình giảng dạy tiếng Anh quốc gia nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả học tập ■

Tài liệu tham khảo

- [1]. Dewaele, J. M., & Li, C. (2020). *Emotions in second language acquisition: A critical review and research agenda*. Foreign language world, 196 (1), 34 - 49.
- [2]. Ellis, R. (2019). SLA and language pedagogy. *Language Teaching Research*, 23 (2), 147 - 165.
- [3]. Ellis, R. (2018). *Reflections on task-based language teaching (Vol. 125)*. Multilingual Matters.
- [4]. Nassaji, H., & Kartchava, E. (Eds.). (2021). *The Cambridge handbook of corrective feedback in second language learning and teaching*. Cambridge University Press.
- [5]. Ortega, L. (2020). *SLA and social justice*. *Language Learning*, 70 (1), 1 - 28.
- [6]. Taguchi, N. (2019). *Pragmatic competence in SLA*. *Annual Review of Applied Linguistics*, 39, 1 - 20.
- [7]. VanPatten, B., & Williams, J. (2020). *Theories in second language acquisition (3rd ed.)*. Routledge.
- [8]. Loewen, S., & Sato, M. (2018). *Interaction and instructed SLA*. *Language Teaching*, 51 (3), 285 - 329.
- [9]. Ortega, L. (2020). SLA and social justice. *Language Learning*, 70(1), 1 - 28.
- [10]. Taguchi, N. (2019). Pragmatic competence in SLA. *Annual Review of Applied Linguistics*, 39, 1 - 20.
- [11]. VanPatten, B., & Williams, J. (2020). *Theories in second language acquisition (3rd ed.)*. Routledge.
- [12]. Sato, M., & Loewen, S. (2019). *Evidence-based SLA pedagogy*. *Language Teaching*, 52 (3), 382 - 396.
- [13]. Larsen-Freeman, D. (2020). *Complexity theory and SLA*. *Language Learning*, 70 (1), 1 - 27.

Modern linguistic perspectives on second language acquisition and pedagogical implications for teaching English as a foreign language

Nguyen Van Nam, Dong Nai University
Huynh Ai, Ho Chi Minh City University of Banking
Tran Thi Quynh Le, University of Phan Thiet
 Email: namnv@dnpu.edu.vn,

Abstract: *Second Language Acquisition (SLA) is a central field in applied linguistics, particularly in the context of teaching English as a Foreign Language (EFL). This article examines SLA from the perspectives of modern linguistic theories, including behaviorism, generative grammar, interactionism, and cognitive linguistics, to clarify the mechanisms through which the learners internalize a language beyond their first language. Core concepts such as comprehensible input, attention, output, and interlanguage development are analyzed to explain the formation of communicative competence. The study employs a qualitative synthesis of recent SLA research, emphasizing the integration of cognitive, social, and linguistic dimensions in the acquisition process. The findings indicate that the current EFL instruction remains largely grammar - and exam - oriented, with limited emphasis on authentic communication. In response, the article proposes a four-stage instructional model consisting of meaningful input, guided attention, communicative practice, and feedback with recycling. This model aims to bridge the gap between linguistic theory and classroom practice.*

Keywords: *Pedagogical implications, internalization of linguistic systems, modern linguistics, second language acquisition, English as a foreign language.*